

NGHỊ QUYẾT

**Về mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với
khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Chính
phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;*

*Căn cứ Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi
hành Luật Phí và lệ phí;*

*Xét Tờ trình số 437/TTr-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân
dân tỉnh Cà Mau về dự thảo Nghị quyết về mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường
đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cà Mau (sau thẩm tra); Báo cáo thẩm
tra số 165/BC-HĐND ngày 04 tháng 6 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội
đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết về mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ
môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cà Mau.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối
với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo khoản 4 Điều 6 Nghị định
số 27/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ quy định phí bảo vệ
môi trường đối với khai thác khoáng sản.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật
khoáng sản.

2. Các cơ quan nhà nước và tổ chức, cá nhân khác liên quan trong việc quản lý, thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 3. Mức thu, đơn vị tính phí

1. Khoáng sản không kim loại

- a) Các loại cát khác (trừ cát vàng, cát trắng), mức thu 6.000 đồng/m³;
- b) Đất sét, đất làm gạch, ngói, mức thu 3.000 đồng/m³;
- c) Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình, mức thu 2.000 đồng/m³;
- d) Các loại đất khác, mức thu 1.000 đồng/m³.

2. Đối với các loại khoáng sản không kim loại không quy định tại khoản 1 Điều này, trường hợp nếu có phát sinh hoạt động khai thác khoáng sản thì mức thu phí được áp dụng bằng mức thu tối đa của khoáng sản tương ứng theo quy định tại Biểu khung mức thu phí ban hành kèm theo Nghị định số 27/2023/NĐ-CP.

3. Khoáng sản tận thu

Mức thu phí khai thác khoáng sản tận thu bằng 60% mức thu phí tương ứng theo loại khoáng sản quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ 01 ngày 7 tháng năm 2026.

2. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

b) Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu về quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xác nhận khối lượng khoáng sản khai thác, tận thu, thu hồi trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thực hiện theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND và Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND đến khi kết thúc dự án.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa XI, Kỳ họp thứ 3 (chuyên đề) thông qua ngày 10 tháng 6 năm 2026.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB và TCTHPL);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Kiểm toán nhà nước Khu vực V;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng Công báo);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Phạm Văn Thiều